|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: /2023/QĐ-TTg | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 1**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước và Nghị định số…/2023/NĐ-CP ngày…tháng… năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị về phương án cơ cấu lại và định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-TTg ngày …. của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023-2027;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ vay mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển) chịu rủi ro tín dụng, gồm:

1. Khoản nợ vay tín dụng đầu tư,tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

2. Khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

3. Khoản nợ vay khác của Ngân hàng Phát triển.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Phát triển.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Khoản nợ vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước*” là các khoản nợ vay gồm:

a) Khoản nợ vay theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

b) Khoản nợ vay theo chương trình, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao mà Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và/hoặc phí quản lý;

c) Khoản nợ vay Ngân hàng Phát triển nhận bàn giao từ tổ chức tiền thân.

2. “*Khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh*” là các khoản nợ vay phát sinh khi Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

3. “*Khoản nợ vay khác*” là các khoản nợ vay gồm:

a) Khoản nợ cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ do Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng;

b) Khoản nợ vay khác mà Ngân hàng Phát triển không được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý.

4.*“Rủi ro tín dụng”* là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Phát triển do khách hàng không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay (gốc, lãi) của mình theo đúng Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng nhận nợ bắt buộc đã ký với Ngân hàng Phát triển.

 5. *“Bán nợ”* là thỏa thuận bằng văn bản về việc Ngân hàng Phát triển chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ và các quyền khác có liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

6. *“Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro”* bao gồm sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ, cụ thể:

a) Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là việc Ngân hàng Phát triển chuyển khoản nợ được xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng theo quy định tại Quyết định này;

b) Sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ quy định tại Quyết định này.

7. *“Giá trị ghi sổ của khoản nợ”* gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng tại thời điểm bán nợ hoặc thời điểm xuất toán khỏi ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trong hệ thống quản trị của Ngân hàng Phát triển đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng.

8. *“Bên mua nợ”* là các tổ chức, cá nhân thực hiện mua nợ của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

9*. “Giá bán nợ”* là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho Ngân hàng Phát triển theo Hợp đồng bán nợ được hai bên ký kết theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

10. *“Bên môi giới”* là bên trung gian trong giao dịch bán nợ giữa Ngân hàng Phát triển và bên mua nợ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới.

11. *“Xử lý rủi ro tín dụng”* là việc Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro thông qua việc chuyển theo dõi ngoại bảng và/hoặc bán nợ theo quy định tại Quyết định này.

12. *"Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng*” là hình thức thay đổi hạch toán đối với khoản nợ, chuyển khoản nợ được xử lý rủi ro tín dụng ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng; là công việc nội bộ của Ngân hàng Phát triển; không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ.

## Điều 4. Nguyên tắc và điều kiện xử lý rủi ro tín dụng

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro tín dụng:

a) Việc xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ điều kiện, hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật;

b) Việc xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển phải gắn trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển, khách hàng vay vốn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cho vay, thu hồi và xử lý nợ vay;

c) Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro.

2.Việc xem xét xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản nợ của khách hàng thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quyết định này;

b) Khoản nợ của khách hàng thuộc một trong các trường hợp được xem xét xử lý rủi ro tín dụng quy định tại Điều 5 Quyết định này.

c) Khoản nợ của khách hàng phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra rủi ro tín dụng và/hoặc vi phạm trong quá trình xử lý nợ bị rủi ro tín dụng phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

## Điều 5. Các trường hợp được xem xét xử lý rủi ro tín dụng

1. Khoản nợ vay của khách hàng là tổ chức bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật.

2. Khoản nợ vay của khách hàng là cá nhân chết, mất tích.

3. Khoản nợ vay của khách hàng được phân loại nhóm 5 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng tại Ngân hàng Phát triển.

4. Khoản nợ vay của khách hàng đang được theo dõi ngoại bảng tại bảng cân đối kế toán hoặc đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng.

## Điều 6. Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng

1. Ngân hàng Phát triển phải thành lập Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng để xem xét xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Quyết định này gồm:

a) Tổng giám đốc là Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng;

b) Các thành viên còn lại gồm: 01 Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám đốc phụ trách xử lý rủi ro tín dụng, Kế toán trưởng và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Trách nhiệm của Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng:

a) Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, bao gồm cả kết quả xử lý tài sản đảm bảo;

b) Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng;

c) Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm;

d) Thẩm định hồ sơ và trình Hội đồng quản trị quyết định:

- Việc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống;

- Phương thức bán nợ, giá khởi điểm đối với trường hợp bán nợ theo phương thức bán đấu giá hoặc giá để đàm phán bán nợ đối với trường hợp bán nợ theo phương thức thỏa thuận theo quy định tại Điều 13 Quyết định này;

đ) Thẩm định hồ sơ và trình Hội đồng quản trị phê duyệt, đồng thời gửi Ban Kiểm soát Ngân hàng Phát triển có ý kiến thẩm định độc lập trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 1 Điều 16 Quyết định này và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Quyết định này;

e) Trình Hội đồng quản trị quyết định việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm đ khoản này;

g) Xây dựng quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

# Chương IIQUY ĐỊNH CỤ THỂ

## Mục 1NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

## ĐỂ XỬ LÝ RỦI RO

## Điều 7. Nguyên tắc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng

1. Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong trường hợp chuyển theo dõi ngoại bảng và bán nợ quy định tại Điều 10, Điều 15 và Điều 16 Quyết định này.

 2. Việc sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong phạm vi Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của từng hoạt động cho vay, cụ thể:

a) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có): chỉ được sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ vay của Hợp đồng tín dụng ký **trước** ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành và khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh;

b) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư được trích lập theo quy định của pháp luật đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký **sau** ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: chỉ được sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ vay này;

 c) Quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác: chỉ được sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với đối với các khoản nợ vay khác của khách hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

## Điều 8. Nguyên tắc xử lý trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ

Trong quá trình hoạt động, bao gồm cả trường hợp quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương này, trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ, Ngân hàng Phát triển xử lý theo nguyên tắc như sau:

1. Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

2. Xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

a) Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Ngân hàng Phát triển quy định cụ thể việc bồi thường và quyết định mức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Việc xử lý trách nhiệm của người gây ra tổn thất thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

c) Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định tại Điều 7 Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Quyết định này;

d) Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Ngân hàng Phát triển. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ của Ngân hàng Phát triển.

## Điều 9. Hồ sơ xử lý rủi ro tín dụng

1. Hồ sơ cấp tín dụng và hồ sơ thu nợ đối với các khoản nợ được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

2. Hồ sơ tài sản bảo đảm và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có);

3. Quyết định hoặc phê duyệt của Hội đồng xử lý rủi ro về kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro;

4. Quyết định hoặc phê duyệt của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro;

5. Đối với trường hợp khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị phá sản, giải thể, ngoài hồ sơ nêu tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này phải có bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

6. Đối với trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết, mất tích, ngoài hồ sơ nêu tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này phải có bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc Giấy chứng tử hoặc xác nhận bằng văn bản của chính quyền địa phương về việc khách hàng đã chết trong trường hợp không có Giấy chứng tử, hoặc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

7. Các tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Phát triển.

## Mục 2CHUYỂN THEO DÕI NGOẠI BẢNG

##  Điều 10. Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để chuyển theo dõi ngoại bảng

1. Trường hợp Ngân hàng Phát triển đã xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và không thu hồi đủ nợ vay:

 a) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu ký trước thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 7 Quyết định này để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ;

 b) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký sau thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định này theo nguyên tắc dùng dự phòng cụ thể để chuyển ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ, trường hợp không đủ thì sử dụng dự phòng chung để chuyển theo dõi ngoại bảng;

c) Đối với các khoản nợ vay khác: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 7 Quyết định này để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ.

 2. Trường hợp Ngân hàng Phát triển chưa xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng theo nguyên tắc:

 a) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu ký trước thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 7 Quyết định này để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc của khoản nợ và khẩn trương tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng nhận nợ bắt buộc đã ký và quy định của pháp luật có liên quan để thu hồi nợ;

 b) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký sau thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định này theo nguyên tắc:

 - Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng cụ thể để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc của khoản nợ;

 - Khẩn trương tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký và quy định của pháp luật có liên quan để thu hồi nợ;

 - Sử dụng dự phòng chung để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ trong trường hợp sử dụng dự phòng cụ thể và số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ.

c) Đối với các khoản nợ vay khác: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 7 Quyết định này để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc của khoản nợ và khẩn trương tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký và quy định của pháp luật có liên quan để thu hồi nợ;

 3. Ngân hàng Phát triển không được thông báo cho khách hàng về việc khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng. Sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng đối với khoản nợ, Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, có các biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để đối với các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quy định, trừ trường hợp khoản nợ sau khi sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng được Ngân hàng Phát triển bán cho tổ chức, cá nhân thu được đầy đủ tiền bán nợ theo Hợp đồng bán nợ quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 11. Theo dõi khoản nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng và xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng

1. Sau thời gian tối thiểu 05 (năm) năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Ngân hàng Phát triển xây dựng hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi xem xét quyết định việc xuất toán khoản nợ đã xử lý ra khỏi ngoại bảng theo quy định tại Quyết định này.

2. Các khoản nợ được xuất toán ra khỏi ngoại bảng phải theo dõi trong hệ thống quản trị của Ngân hàng Phát triển trong thời hạn tối thiểu là 10 (mười) năm kể từ ngày quyết định xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng, trừ các khoản nợ mà khách hàng là tổ chức đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật và sau khi thanh lý, xử lý toàn bộ tài sản hoặc khách hàng là cá nhân đã chết, bị tuyên bố mất tích theo quyết định của tòa án và đã xử lý xong di sản, nghĩa vụ của người này theo quy định của pháp luật hoặc các khoản nợ ngoại bảng đã hoàn thành thủ tục bán nợ và xử lý tài chính khi bán nợ theo quy định tại Điều 16 Quyết định này.

3. Việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ;

b) Phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng bằng văn bản trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Kiểm toán Nhà nước.

4. Hồ sơ xuất toán nợ ra khỏi ngoại bảng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gồm:

a) Hồ sơ xử lý rủi ro quy định tại Điều 9 Quyết định này;

b) Quyết định hoặc phê duyệt của Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng về các biện pháp thu hồi nợ đối với khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để chuyển ngoại bảng;

c) Các tài liệu chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật liên quan;

d) Phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này;

đ) Quyết định của Ngân hàng Phát triển về việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng.

Hồ sơ xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng phải được Ngân hàng Phát triển lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật.

## Điều 12. Xử lý số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng

1. Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu ký trước thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác: Số tiền thu hồi được từ khoản nợ đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản đảm bảo, Ngân hàng Phát triển được bổ sung vào quỹ dự phòng rủi ro tương ứng đối với từng khoản nợ theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 7 Quyết định này và quy định chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

2. Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký sau thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản đảm bảo, được hạch toán vào thu nhập trong kỳ kế toán của Ngân hàng Phát triển.

## Mục 3BÁN NỢ

## Điều 13. Bán nợ

1. Điều kiện khoản nợ được xem xét bán nợ: Ngân hàng Phát triển được xem xét bán nợ để thu hồi nợ vay khi các khoản nợ đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Quyết định này;

b) Ngân hàng Phát triển và khách hàng không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được bán khoản nợ;

c) Khoản nợ không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm bán nợ trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán nợ.

3. Nguyên tắc thực hiện bán nợ:

a) Ngân hàng Phát triển thực hiện bán nợ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trừ các nội dung quy định tại Quyết định này;

b) Hoạt động bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa Ngân hàng Phát triển, khách hàng và bên nhận bảo đảm;

c) Hoạt động bán nợ do các bên tự thỏa thuận, tuân thủ quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trước khi thực hiện bán nợ theo quy định tại Quyết định này, Ngân hàng Phát triển phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động bán nợ, trong đó quy định rõ về: đối tượng, điều kiện, phương thức bán nợ; hồ sơ, trình tự, thủ tục bán nợ; phương pháp định giá khoản nợ; trách nhiệm và thẩm quyền quyết định bán nợ trong hệ thống, xử lý tài chính và các nội dung có liên quan để triển khai thực hiện;

đ) Các khoản nợ được bán phải được theo dõi, hạch toán kế toán và báo cáo thống kê theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

4. Phương thức bán nợ:

a) Bán nợ theo hình thức đấu giá: Ngân hàng Phát triển ký hợp đồng đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Trường hợp bán đấu giá không thành công, Ngân hàng Phát triển được xem xét, áp dụng phương thức bán nợ theo thỏa thuận quy định tại điểm b khoản này và chịu trách nhiệm hoàn toàn về quyết định bán nợ;

b) Bán nợ theo thỏa thuận: Trường hợp bán đấu giá không thành công, Ngân hàng Phát triển thỏa thuận về việc bán nợ trực tiếp với bên mua nợ hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới;

 c) Bán nợ theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có): Thực hiện đối với từng trường hợp cụ thể theo các văn bản chấp thuận cho phép bán nợ theo hình thức chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Định giá khoản nợ: Ngân hàng Phát triển phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thực hiện định giá khoản nợ để xác định giá khởi điểm đối với trường hợp bán nợ theo phương thức bán đấu giá hoặc giá để đàm phán bán nợ đối với trường hợp bán nợ theo phương thức thỏa thuận.

6. Việc bán nợ thấp hơn số dư nợ gốc của khoản nợ đang được theo dõi nội bảng hoặc ngoại bảng chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ, tài liệu chứng minh biện pháp bán nợ là biện pháp tối ưu để thu hồi nợ vay;

b) Phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng văn bản việc bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng hoặc ngoại bảng của khoản nợ trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Kiểm toán Nhà nước.

## Điều 14. Hồ sơ bán nợ

1. Văn bản đề nghị/thoả thuận của khách hàng và bên bảo đảm về chấp thuận bán nợ hoặc văn bản đề nghị/thỏa thuận/chấp thuận mua nợ của Bên mua nợ: Bản chính;

2. Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh và Hợp đồng nhận nợ bắt buộc (đối với khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh): Bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

3. Hợp đồng bảo đảm tiền vay ký kết giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam với bên bảo đảm (kèm danh mục tài sản bảo đảm): Bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

4. Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị của tài sản bảo đảm hoặc giá trị bán nợ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính.

5. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy chế nội bộ về xử lý rủi ro của Ngân hàng Phát triển.

## Điều 15. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với bán khoản nợ (gốc,lãi) đang hạch toán nội bảng

1. Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau.

 2. Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ được bán:

a) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu ký trước thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác: Sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch dương (nếu có) giữa giá bán nợ sau khi trừ đi chi phí liên quan đến việc bán nợ và giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ được bán, Ngân hàng Phát triển bổ sung vào quỹ dự phòng rủi ro tương ứng theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 7 Quyết định này;

b) Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký sau thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ được bán, Ngân hàng Phát triển ghi nhận vào thu nhập trong kỳ kế toán.

3. Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ được bán: Ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Ngân hàng Phát triển sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định của pháp luật), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn chưa đủ bù đắp, Ngân hàng Phát triển thực hiện như sau:

a) Đối với số nợ gốc không thu hồi được: Ngân hàng Phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định này, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ;

b) Đối với số nợ lãi không thu được: Ngân hàng Phát triển thực hiện xuất toán số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng của khoản nợ đã bán.

## Điều 16. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với bán khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng và khoản nợ đã xuất toán khỏi ngoại bảng

1. Đối với trường hợp bán nợ đang theo dõi ngoại bảng, Ngân hàng Phát triển thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) như sau;

a) Đối với các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu ký trước thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác: Số tiền bán nợ thu được sau khi trừ đi chi phí liên quan đến hoạt động bán nợ, Ngân hàng Phát triển bổ sung vào quỹ dự phòng rủi ro tương ứng quy định tại điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 7 Quyết định này;

b) Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đầu tư ký sau thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Số tiền bán nợ thu được Ngân hàng Phát triển hạch toán vào thu nhập trong kỳ kế toán.

2. Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng:

Ngân hàng Phát triển ghi nhận số tiền bán nợ thu được vào thu nhập trong kỳ kế toán.

## Mục 4CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

## Điều 17. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, một năm, Ngân hàng Phát triển báo cáo kết quả xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Nghị định này, cụ thể theo từng khoản nợ, khách hàng vay vốn, cách thức xử lý, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Kiểm toán Nhà nước.

2. Thời gian chốt số liệu:

a) Đối với báo cáo 06 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng của năm tài chính;

b) Đối với báo cáo năm: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

c) Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nộp báo cáo trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì hạn nộp báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

4. Phương thức gửi báo cáo:

Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện gửi các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này theo một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;

c) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng dưới hình thức văn bản điện tử (nếu có);

d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

# Chương IIITỔ CHỨC THỰC HIỆN

##  Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

a) Chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định của pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước về việc triển khai thực hiện xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đúng quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Ban hành quy chế nội bộ về xử lý rủi ro tín dụng theo đúng quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong đó quy định rõ về hồ sơ, biểu mẫu, trình tự thủ tục xử lý rủi ro, thẩm quyền xử lý rủi ro, trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng cá nhân trong quá trình xử lý rủi ro và các nội dung khác có liên quan.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát, đánh giá hồ sơ và quyết định việc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro thông qua việc chuyển theo dõi ngoại bảng và bán nợ theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện việc xử lý rủi ro theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc xử lý, thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế nợ xấu phát sinh; tiếp tục theo dõi, đôn đốc và có các biện pháp thu hồi nợ bị rủi ro đầy đủ, triệt để đối với khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng nhận nợ bắt buộc đã ký.

đ) Đề xuất Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu có).

2. Bộ Tài chính. thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan liên quan (nếu có) có ý kiến về đề nghị của Ngân hàng Phát triển về việc xuất toán các khoản nợ khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại Quyết định này.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này (nếu có).

3. Bộ Kế hoạch và đầu tư.

a) Tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc xuất toán các khoản nợ khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ theo quy định Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này (nếu có).

4. Bộ Tư pháp.

a) Tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc xuất toán các khoản nợ khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ theo quy định Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này (nếu có).

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc xuất toán các khoản nợ khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ theo quy định Quyết định này;

b) Chủ trì kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu có).

6. Kiểm toán Nhà nước.

Tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc xuất toán các khoản nợ khỏi ngoại bảng và bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc nội bảng của khoản nợ theo quy định Quyết định này;

7. Các Bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan và doanh nghiệp trực thuộc, trên địa bàn phối hợp, hỗ trợ Ngân hàng Phát triển trong công tác thu hồi nợ và xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các khoản nợ mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã bán nợ theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày Quyết định này có hiệu lực, Ngân hàng Phát triển Việt Nam được tiếp tục thực hiện theo các quy định, chỉ đạo trước đây của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các quy định tại Quyết định này trong trường hợp chưa quy định.

## Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Khoản 3 Điều 2;- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Ủy ban nhân dân các tỉnh, TP;- Văn phòng Chính phủ;- Kiểm toán Nhà nước;- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, KHĐT,LĐTBXH; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  - Lưu: VT, KTTH (2). | **THỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |